

e. Nhóm **IN ORDER THAT**: chỉ mục đích

Gồm các liên từ *in order that, so that, for fear that*.

**In order that/ so that** (để, cốt để)

We looked for a quiet place **in order that** we could have a rest.

(Chúng tôi tìm một nơi yên tĩnh cốt để nghỉ ngơi.)

Speak clearly, **so that** they may understand you.

(Hãy nói rõ ràng để họ có thể hiểu được anh.)

**In case/ for fear that** (kẻo)

Put a hat on, dear, **in case** you get sunstroke.

(Hãy đội mũ vào kẻo em sẽ bị trúng nắng đấy.)

f. Nhóm **SO ... THAT**: chỉ kết quả

**So + adj/adv + that** (đến nỗi mà)

The dog was **so fierce that** no one dared come near it.

(Con chó dữ quá đến nỗi không ai dám đến gần.)

The rabbit ran **so quickly that** no one could catch it.

(Con thỏ chạy nhanh đến nỗi không ai bắt được nó.)

**Such + noun + that**

He spoke for **such a long time that** people began to fall asleep.

(Ông ta nói dai đến nỗi mọi người đều muốn ngủ cả.)

g. Nhóm **THAT**: đưa ra một lời tuyên bố, một ý kiến, một sự kiện hoặc một lý do.

**That** (rằng)

He said **that** he would help us.

(Ông ấy nói rằng ông ấy sẽ giúp chúng ta.)

I think **that** we'll find a room in that hotel.

(Tôi cho rằng chúng ta sẽ tìm được một căn phòng trong khách sạn đó.)

## EXERCISES

### 1) Fill the blanks with appropriate conjunctions

1. I ran fast \_\_\_\_\_ I missed train.
2. \_\_\_\_\_ you try, you will not succeed.
3. I am sure \_\_\_\_\_ he said so.
4. Wait \_\_\_\_\_ I return.
5. Do not go \_\_\_\_\_ I come.
6. He finished first \_\_\_\_\_ he began late.

7. \_\_\_\_\_ you eat too much you will be ill.
8. I shall not go \_\_\_\_\_ I am invited.
9. I do it \_\_\_\_\_ I choose to.
10. Live well \_\_\_\_\_ you may die well.

**2) Join each pair of the following sentences by means of an appropriate conjunction.**

- |                            |                             |
|----------------------------|-----------------------------|
| 1. My brother is well.     | My sister is ill.           |
| 2. He sells mangoes.       | He sells oranges.           |
| 3. He did not succeed.     | He worked hard.             |
| 4. Tom played well         | Mary played well.           |
| 5. I honour him.           | He is a brave man.          |
| 6. You may go.             | I will stay.                |
| 7. Tom reads for pleasure. | Mary reads for profit.      |
| 8. We decided to set out.  | It was late.                |
| 9. He is rich.             | He is not happy.            |
| 10. He must be tired.      | He has walked twelve miles. |

**3) Rewrite the following as one sentence, using *and*, *but*, *so*, or.**

1. It was raining. I felt cold. I went indoors.  
*It was raining and I felt cold so I went indoors.*
2. He loves her. She loves him. They are getting married.
3. I can paint the lounge. I can clean the fridge. I can't do both.
4. Mr Downes seemed poor. In fact, he had a lot of money.
5. Tim is sleeping. You can't speak to him at the moment.
6. The postman banged the gate. He shouted at Lulu. She bit him.
7. My mother wanted me to become a doctor. I didn't.
8. Nick didn't understand the lesson. He couldn't do the homework.
9. A bee flew into the classroom this morning. It stung me.
10. You mustn't put this in the washing machine. You must wash it by hand.  
You must dry-clean it.
11. We lay in the sun. We got hot. We swam. We cooled off.
12. Louis broke her watch. Then she borrowed mine.
13. We might go to Spain. We might go to France.
14. Mike could speak French. He could speak Spanish. He couldn't write them.
15. We went to the museum. It was closed. We went to the cinema.